TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 623/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 -2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hoà – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên toà số 123/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thuý U, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A Đường số B, Khu phố C (Khu Phương Nam), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi địa chỉ liên lạc: Căn hộ R Lốc T, chung cư Y, đường U, phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A Đường số B, Khu phố C (Khu Phương Nam), phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Đào Thuý U trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2016 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/6/2016).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 (Một) năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tiền bạc và việc nuôi dạy con cái, ông L không lo làm ăn, không còn quan tâm đến bà cũng như các vấn đề lớn nhỏ trong gia đình, mọi vấn đề về kinh tế trong gia đình đều do bà lo lắng. Ông L còn ham mê chơi game, bà đã nhiều nhắc nhở nhưng ông L không những không khắc phục mà còn gây gổ với bà. Bà và ông L đã nhiều lần tranh luận để khắc phục, sửa chữa nhưng không có kết quả và ông bà không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên bà yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

- Về con chung: Có một con chung, họ và tên trẻ là Nguyễn Hoàng A (nữ), sinh ngày 18/10/2016. Sau khi ly hôn, bà U đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Việc ly hôn của bà là hoàn toàn tự nguyện và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ,

giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

- Bà U và ông L kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà U là do cả hai không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về tiền bạc và việc nuôi dạy con cái, ông L không lo làm ăn, mọi kinh tế trong gia đình đều do bà lo lắng. Ông L còn đam mê chơi game, bà đã nhiều nhắc nhở nhưng ông L không những không khắc phục mà còn gây gổ với bà vì vấn đề này. Ông Nguyễn Hoàng L không còn quan tâm đến bà cũng như các vấn đề lớn nhỏ trong gia đình. Bà và ông L đã nhiều lần tranh luận để khắc phục, sửa chữa nhưng không có kết quả và ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay.

Ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Do đó có cơ sở để khẳng định rằng tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn với ông L của bà U là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Có một con chung, họ và tên là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/10/2016. Sau khi ly hôn, bà U đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ An và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, hiện tại trẻ An đang sống cùng với bà U, nhằm đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cũng như quyền lợi về mọi mặt cho trẻ An, việc để bà U trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Đào Thuý U yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng L và ông L đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L; Về con chung có 01 (Một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/10/2016, bà U yêu cầu

được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thuý U và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2016.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2016 đăng ký ngày 07/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định bà U và ông L là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Hoàng L không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà U. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà U trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông L không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông L cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà U yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 435/2016 đăng ký ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bà U đã có đủ cơ sở để kết luận: bà U và ông L có 01 (Một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/10/2016.

Theo lời trình bày của bà U thì hiện trẻ A đang sống với bà U, bà U là người trực tiếp chăm sóc, lo lắng cho con và có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà U là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Hoàng A cho bà Đào Thuý U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thuý U xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Đào Thuý U phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Đào Thuý U và ông Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Hoàng L.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thuý U và ông Nguyễn Hoàng L (Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2016 đăng ký ngày 07/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Có 01 (Một) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 18/10/2016. Giao cho bà Đào Thuý U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thuý U về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu, các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4. Án phí sơ thẩm: Bà Đào Thuý U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng

nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032213 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà U đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Đào Thuý U được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Hòa).